

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (33 câu, từ câu 1 đến câu 33).

Câu 1: Ruồi giấm có bộ nhiễm sắc thể $2n = 8$. Số lượng nhiễm sắc thể có trong tế bào sinh dưỡng của ruồi giấm thuộc thể lệch bội dạng bốn nhiễm là

- A. 32. B. 16. C. 10. D. 12.

Câu 2: Theo quan niệm hiện đại, nhân tố tiến hoá làm thay đổi tần số alen của quần thể theo một hướng xác định là

- A. cách li. B. đột biến. C. giao phối. D. chọn lọc tự nhiên.

Câu 3: Hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hoá thường gặp ở

- A. động vật. B. động vật và vi sinh vật.
C. thực vật. D. vi sinh vật.

Câu 4: Sự giống nhau giữa người và vượn người ngày nay chứng tỏ

- A. vượn người ngày nay không phải là tổ tiên của loài người.
B. vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.
C. vượn người ngày nay tiến hoá theo cùng một hướng với loài người, nhưng chậm hơn loài người.
D. người và vượn người ngày nay có quan hệ thân thuộc gần gũi.

Câu 5: Bằng phương pháp tứ bội hoá, từ hợp tử lưỡng bội kiểu gen Aa có thể tạo ra thể tứ bội có kiểu gen

- A. AAaa. B. AAAa. C. AAAA. D. Aaaa.

Câu 6: Trong bộ Linh trưởng, loài có quan hệ họ hàng gần gũi với loài người nhất là

- A. khỉ sóc. B. gôrila. C. vượn gibbon. D. tinh tinh.

Câu 7: Đối với quá trình tiến hoá, các cơ chế cách li có vai trò

- A. tạo các tổ hợp alen mới trong đó có các tổ hợp có tiềm năng thích nghi cao.
B. ngăn cản sự giao phối tự do, củng cố và tăng cường sự phân hoá kiểu gen trong quần thể bị chia cắt.
C. hình thành cá thể và quần thể sinh vật thích nghi với môi trường.
D. tạo các alen mới, làm phong phú thêm vốn gen của quần thể.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại?

- A. Chọn lọc quần thể diễn ra trước, chọn lọc cá thể diễn ra sau.
B. Chọn lọc cá thể diễn ra trước, chọn lọc quần thể diễn ra sau.
C. Chọn lọc chỉ diễn ra ở cấp độ quần thể mà không diễn ra ở cấp độ cá thể.
D. Chọn lọc cá thể và chọn lọc quần thể diễn ra đồng thời.

Câu 9: Ở cà chua, gen qui định màu sắc quả nằm trên nhiễm sắc thể thường, alen A qui định quả màu đỏ trội hoàn toàn so với alen a qui định quả màu vàng. Trong trường hợp các cây bố, mẹ giảm phân bình thường, tỉ lệ kiểu hình quả vàng thu được từ phép lai AAaa x AAaa là

- A. 1/8. B. 1/16. C. 1/12. D. 1/36.

Câu 10: Một quần thể ếch đồng có số lượng cá thể tăng vào mùa mưa, giảm vào mùa khô. Đây là kiểu biến động

- A. theo chu kì nhiều năm. B. không theo chu kì.
C. theo chu kì mùa. D. theo chu kì tuần trăng.

Câu 11: Đơn phân của prôtêin là

- A. peptit. B. nuclêôtit. C. nuclêôxôm. D. axit amin.

- Câu 12:** Tính theo lí thuyết, tỉ lệ các loại giao tử $2n$ được tạo ra từ thể tứ bội có kiểu gen $AAaa$ là
 A. $1AA : 4Aa : 1aa$. B. $1Aa : 1aa$. C. $4AA : 1Aa : 1aa$. D. $1AA : 1aa$.
- Câu 13:** Tập hợp sinh vật nào sau đây **không** phải là quần thể?
 A. Tập hợp cá chép đang sinh sống ở Hồ Tây.
 B. Tập hợp cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
 C. Tập hợp cây cỏ trên một đồng cỏ.
 D. Tập hợp cây cọ trên một quả đồi ở Phú Thọ.
- Câu 14:** Kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội có thể xác định được bằng phép lai
 A. thuận nghịch. B. phân tích. C. khác dòng. D. khác thứ.
- Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về vai trò của giao phối đối với quá trình tiến hoá?
 A. Giao phối phát tán đột biến trong quần thể.
 B. Giao phối tạo alen mới trong quần thể.
 C. Giao phối tạo nguồn nguyên liệu thứ cấp cho tiến hoá.
 D. Giao phối trung hoà tính có hại của đột biến.
- Câu 16:** Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?
 A. Tỉ lệ các nhóm tuổi. B. Đa dạng loài.
 C. Mật độ cá thể. D. Tỉ lệ đực, cái.
- Câu 17:** Nguyên liệu sơ cấp chủ yếu của chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại là
 A. biến dị tổ hợp. B. đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.
 C. đột biến gen. D. đột biến số lượng nhiễm sắc thể.
- Câu 18:** Trong trường hợp một gen qui định một tính trạng, gen trội là trội hoàn toàn, các gen phân li độc lập, tổ hợp tự do. Phép lai $AaBb \times aabb$ cho đời con có sự phân li kiểu hình theo tỉ lệ
 A. $3 : 1$. B. $1 : 1 : 1 : 1$. C. $9 : 3 : 3 : 1$. D. $1 : 1$.
- Câu 19:** Sơ đồ nào sau đây **không** mô tả đúng về một chuỗi thức ăn?
 A. Lúa \rightarrow cò \rightarrow ếch đồng \rightarrow chuột đồng \rightarrow cá.
 B. Cỏ \rightarrow thỏ \rightarrow mèo rừng.
 C. Tảo \rightarrow giáp xác \rightarrow cá \rightarrow chim bói cá \rightarrow điều hâu.
 D. Rau \rightarrow sâu ăn rau \rightarrow chim ăn sâu \rightarrow điều hâu.
- Câu 20:** Trong các bệnh sau đây ở người, bệnh nào là bệnh di truyền liên kết với giới tính?
 A. Bệnh bạch tạng. B. Bệnh máu khó đông.
 C. Bệnh tiểu đường. D. Bệnh ung thư máu.
- Câu 21:** Mất xích có mức năng lượng cao nhất trong một chuỗi thức ăn là
 A. sinh vật sản xuất. B. sinh vật tiêu thụ bậc hai.
 C. sinh vật tiêu thụ bậc một. D. sinh vật tiêu thụ bậc ba.
- Câu 22:** Trong các hệ sinh thái sau đây, hệ sinh thái có năng suất sinh vật sơ cấp cao nhất là
 A. savan. B. rừng ôn đới.
 C. rừng mưa nhiệt đới. D. rừng thông phương Bắc.
- Câu 23:** Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ
 A. kí sinh - vật chủ. B. cộng sinh. C. hợp tác. D. hội sinh.
- Câu 24:** Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm
 A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
 B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
 C. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.
 D. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- Câu 25:** Sản lượng sinh vật thứ cấp trong hệ sinh thái được tạo ra từ
 A. sinh vật sản xuất. B. sinh vật phân huỷ.
 C. sinh vật tiêu thụ. D. sinh vật sản xuất và sinh vật phân huỷ.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về đặc điểm của mã di truyền?

- A. Mã di truyền có tính thoái hoá.
- B. Mã di truyền đặc trưng cho từng loài sinh vật.
- C. Mã di truyền là mã bộ ba.
- D. Mã di truyền có tính phổ biến.

Câu 27: Ở người, gen qui định tật dính ngón tay 2 và 3 nằm trên nhiễm sắc thể Y, không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể X. Một người đàn ông bị tật dính ngón tay 2 và 3 lấy vợ bình thường, sinh con trai bị tật dính ngón tay 2 và 3. Người con trai này đã nhận gen gây tật dính ngón tay từ

- A. bố.
- B. ông ngoại.
- C. mẹ.
- D. bà nội.

Câu 28: Để xác định một tính trạng nào đó ở người là tính trạng trội hay tính trạng lặn, người ta sử dụng phương pháp nghiên cứu

- A. phả hệ.
- B. di truyền phân tử.
- C. người đồng sinh.
- D. di truyền tế bào.

Câu 29: Phép lai một tính trạng cho đời con phân li kiểu hình theo tỉ lệ 15 : 1. Tính trạng này di truyền theo quy luật

- A. hoán vị gen.
- B. tác động cộng gộp.
- C. di truyền liên kết với giới tính.
- D. liên kết gen.

Câu 30: Hình tháp sinh thái luôn có dạng chuẩn (đáy tháp rộng ở dưới, đỉnh tháp hẹp ở trên) là hình tháp biểu diễn

- A. sinh khối của các bậc dinh dưỡng.
- B. sinh khối và số lượng cá thể của các bậc dinh dưỡng.
- C. năng lượng của các bậc dinh dưỡng.
- D. số lượng cá thể của các bậc dinh dưỡng.

Câu 31: Một gen có cấu trúc dạng B dài 5100 ăngxtông có số nuclêôtit là

- A. 6000.
- B. 1500.
- C. 3000.
- D. 4500.

Câu 32: Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Tia thừa tự nhiên ở thực vật.
- B. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.
- C. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
- D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 33: Trong trường hợp các gen phân li độc lập, tổ hợp tự do. Cá thể có kiểu gen AaBb giảm phân bình thường có thể tạo ra

- A. 4 loại giao tử.
- B. 16 loại giao tử.
- C. 8 loại giao tử.
- D. 2 loại giao tử.

PHẦN RIÊNG (Thí sinh học theo ban nào phải làm phần đề thi riêng của ban đó).

Phần dành cho thí sinh ban Khoa học Tự nhiên (7 câu, từ câu 34 đến câu 40).

Câu 34: Để xác định quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật, người ta **không** dựa vào

- A. cơ quan tương đồng.
- B. cơ quan tương tự.
- C. bằng chứng phôi sinh học.
- D. bằng chứng sinh học phân tử.

Câu 35: Ở ruồi giấm, gen qui định tính trạng màu sắc thân và gen qui định tính trạng độ dài cánh nằm trên cùng một nhiễm sắc thể thường (mỗi gen qui định một tính trạng). Lai dòng ruồi giấm thuần chủng thân xám, cánh dài với dòng ruồi giấm thân đen, cánh cụt được F₁ toàn ruồi thân xám, cánh dài. Lai phân tích ruồi cái F₁, trong trường hợp xảy ra hoán vị gen với tần số 18%. Tỉ lệ ruồi thân đen, cánh cụt xuất hiện ở F₂ tính theo lí thuyết là

- A. 18%.
- B. 41%.
- C. 82%.
- D. 9%.

Câu 36: Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hội sinh.
- B. cạnh tranh.
- C. cộng sinh.
- D. hợp tác.

Câu 37: Thao tác nối ADN của tế bào cho vào ADN plasmit tạo ADN tái tổ hợp được thực hiện nhờ enzym

- A. restrictaza.
- B. ARN - pôlymeraza.
- C. amilaza.
- D. ligaza.

Câu 38: Quần thể ngẫu phối nào sau đây đã đạt trạng thái cân bằng di truyền?

A. 0,3AA : 0,5Aa : 0,2aa.

B. 0,3AA : 0,6Aa : 0,1aa.

C. 0,25AA : 0,5Aa : 0,25aa.

D. 0,1AA : 0,5Aa : 0,4aa.

Câu 39: Căn cứ vào những biến cố lớn về địa chất, khí hậu và các hóa thạch điển hình, người ta đã chia lịch sử phát triển sự sống thành các đại:

A. Nguyên sinh, Tiền Cambri, Trung sinh, Tân sinh.

B. Tân sinh, Trung sinh, Thái cổ, Tiền Cambri.

C. Cổ sinh, Tiền Cambri, Trung sinh, Tân sinh.

D. Cổ sinh, Nguyên sinh, Trung sinh, Tân sinh.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình?

A. Kiểu hình chỉ phụ thuộc vào kiểu gen mà không chịu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường.

B. Kiểu hình là kết quả của sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường.

C. Bố mẹ không truyền cho con những tính trạng đã hình thành sẵn mà truyền một kiểu gen.

D. Kiểu gen qui định khả năng phản ứng của cơ thể trước môi trường.

Phần dành cho thí sinh ban Khoa học Xã hội và Nhân văn (7 câu, từ câu 41 đến câu 47).

Câu 41: Loài động vật có quá trình phát triển phôi giống với quá trình phát triển phôi của người nhất là

A. gôrila.

B. khỉ sóc.

C. tinh tinh.

D. đười ươi.

Câu 42: Một gen sau đột biến có chiều dài không đổi nhưng giảm một liên kết hiđrô. Gen này bị đột biến thuộc dạng

A. thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X.

B. mất một cặp nuclêôtit.

C. thêm một cặp nuclêôtit.

D. thay thế một cặp G - X bằng một cặp A - T.

Câu 43: Nhân tố nào sau đây có khả năng làm phát sinh các alen mới trong quần thể?

A. Chọn lọc tự nhiên.

B. Cách li di truyền.

C. Giao phối.

D. Đột biến.

Câu 44: Số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển, gọi là

A. kích thước tối thiểu của quần thể.

B. mật độ của quần thể.

C. kích thước trung bình của quần thể.

D. kích thước tối đa của quần thể.

Câu 45: Ở cà chua, gen qui định tính trạng hình dạng quả nằm trên nhiễm sắc thể thường, alen A qui định quả tròn trội hoàn toàn so với alen a qui định quả bầu dục. Lai cà chua quả tròn với cà chua quả bầu dục thu được F₁ toàn cây quả tròn. Cho các cây F₁ giao phấn, F₂ phân li kiểu hình theo tỉ lệ

A. 1 : 2 : 1.

B. 3 : 1.

C. 1 : 1.

D. 9 : 3 : 3 : 1.

Câu 46: Để xác định vai trò của gen và môi trường trong việc hình thành một tính trạng nào đó ở người, có thể tiến hành phương pháp nghiên cứu

A. di truyền phân tử.

B. người đồng sinh.

C. phá hệ.

D. di truyền tế bào.

Câu 47: Để hạn chế ô nhiễm môi trường, **không** nên

A. sử dụng các loại hoá chất độc hại vào sản xuất nông, lâm nghiệp.

B. xây dựng thêm các công viên cây xanh và các nhà máy xử lý, tái chế rác thải.

C. lắp đặt thêm các thiết bị lọc khí thải cho các nhà máy sản xuất công nghiệp.

D. bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

----- HẾT -----